

Bản án số: 189/2023/HC-PT

Ngày: 24 - 3 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 911/2022/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 1403/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 329/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1/Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1954 (có mặt)

2/Ông Đào Mai H, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 83/26 L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 10/1 Đường X14, Phường X11, Quận X6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:**

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (vắng mặt)

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp:*

- Ông Võ Trương B, sinh năm 1979 – Trưởng phòng Quản lý đô thị quận T (xin xét xử vắng mặt)

- Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1973 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T (xin xét xử vắng mặt)

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1973 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T (xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim P1 (có mặt)

Địa chỉ: Số 36/38 H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 16/03/2016, Ủy ban nhân dân phường P, quận T có nhận giấy đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình của bà Nguyễn Thị Kim P1, tại số nhà 48 đường L2, phường P với nội dung sửa chữa nhà như sau: Chồng dột thay tole và thay gác gỗ, lát nền (đính kèm hồ sơ và hình chụp căn nhà).

Ngày 21/3/2016, Ủy ban nhân dân phường P có Văn bản số 339/UBND gửi Thường trực Ủy ban nhân dân quận T về việc xin ý kiến giải quyết hồ sơ sửa chữa nhà số 48 đường L2, phường P.

Ngày 30/3/2016, Ủy ban nhân dân phường P nhận được Phiếu chuyển số 4545/PC-VP của Ủy ban nhân dân quận T với nội dung: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P căn cứ các quy định hiện hành để giải quyết đơn của người dân; Chuyển Phòng Quản lý đô thị và Đội Quản lý trật tự đô thị cập nhật, hướng dẫn thêm cho phường (nếu cần).

Ngày 30/3/2016, bà Nguyễn Thị Kim P1 làm đơn xin cứu xét gửi Ủy ban nhân dân quận T về việc căn nhà đã xuống cấp như tole dột, gác gỗ bị mục nát rất nguy hiểm đến tính mạng.

Ngày 05/4/2016, Ủy ban nhân dân phường P nhận được phiếu chuyển số 5290/PC-VP ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận T về việc giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét giải quyết theo thẩm quyền

Ngày 06/4/2016, Ủy ban nhân dân phường P mời Phòng Quản lý đô thị và Đội Quản lý trật tự đô thị quận để trao đổi, thống nhất về việc sửa chữa căn nhà số 48 đường L2, phường P và khai lại đơn đăng ký sửa chữa.

Ngày 06/4/2016, Ủy ban nhân dân phường P có Báo cáo số 437/BC-UBND gửi Thường trực Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết hồ sơ sửa chữa nhà đối với căn nhà số 48 đường L2, phường P.

Ngày 07/4/2016, bà Nguyễn Thị Kim P1 đã khai lại đơn đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình tại căn nhà số 48 đường L2, phường P với nội dung xin sửa chữa như sau: Lợp lại mái tole, lát gạch bông và sửa lại gác gỗ do bị mục nát (không đổ bê tông hay lát gạch sàn dưới mọi hình thức nào); Sửa lại vách bên hông nhà số 50 đường L2 bằng ván 3D (không xây gạch).

Ngày 07/04/2016, Ủy ban nhân dân phường P xuống xác minh, ghi nhận lại theo hiện trạng thực tế của căn nhà đúng theo nội dung trong đơn xin sửa chữa nhà (đính kèm cam kết của bà Nguyễn Thị Kim P1 với nội dung không thay đổi hiện trạng kết cấu ngôi nhà vào ngày 05/04/2016).

Ngày 09/4/2016, Ủy ban nhân dân phường P xác nhận đơn đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình theo đúng nội dung xin sửa chữa số 43/XN-UBND Ủy ban nhân dân phường.

Ngày 10/5/2016, Ủy ban nhân dân phường P phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn - Tranh tra Sở Xây dựng tiến hành kiểm tra và ghi nhận: Hiện trạng công trình sửa chữa, cải tạo đã hoàn thành, đã đưa vào sử dụng đúng theo nội dung sửa chữa cải tạo do Ủy ban nhân dân phường cấp.

Ngày 14/4/2016, bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H khiếu nại về hành vi của bà Trịnh Thị Mỹ D3, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ký xác nhận sửa chữa nhà 48 L2, phường P, quận T.

Ngày 30/12/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Mai H và bà Nguyễn Thị Y (lần đầu) (Quyết định số 771/QĐ-UBND) đã xác định việc bà Y và ông H khiếu nại hành vi của bà Trịnh Thị Mỹ D3, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ký xác nhận cho sửa chữa nhà 48 L2, phường P, quận T là sai.

Ngày 16/01/2017, bà Y và ông H khiếu nại Quyết định số 771/QĐ-UBND đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

Ngày 10/5/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 2152/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H (lần hai) (Quyết định số 2152/QĐ-UBND).

Ngày 05/6/2017, 14/8/2017, bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H nộp đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa hành chính sơ thẩm kiểm tra đầy đủ tính pháp lý các văn bản hành chính bị khiếu kiện, tuyên bố hành vi của Chủ tịch phường P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ký xác nhận các loại giấy tờ gian lận giả mạo nhà 48 và 50 L2, vụ không có tranh chấp là trái pháp luật.

2. Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Mai H và bà Nguyễn Thị Y (lần đầu) và Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H (lần hai) vì trái pháp luật.

3. Buộc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện trách nhiệm công vụ theo quy định của pháp luật, chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật, xử lý nghiêm hành vi cán bộ lợi dụng chức vụ quyền hạn, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà Y tại địa chỉ 83/26 L phường P, quận T.

4. Đề nghị xem xét việc bồi thường trách nhiệm Nhà nước đối với hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T lợi dụng chức vụ quyền hạn xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà Y tại địa chỉ 83/26 L phường P quận T kéo dài trong thời gian qua.

Ngày 15/9/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 468/TB-TA trả lại một số yêu cầu khởi kiện nêu trên và chỉ chấp nhận thụ lý yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Mai H và bà Nguyễn Thị Y (lần đầu) và Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H (lần hai).

Bà Y, ông H cũng không khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện này.

*Về lý do khởi kiện, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H trình bày:*

Nguồn gốc nhà số 83/26 L là của bà Nguyễn Thị Y có diện tích 8m x 20m. Năm 1976, bà Y cất nhà giữa nền đó để ở từ đó đến nay, không ai tranh chấp có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường P.

Năm 1989, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã ký Quyết định hợp thức chủ quyền nhà đất 83/26 cho bà Y và bà Y có đóng thuế. Năm 1999, bà Y có đăng ký nhà đất 83/26 L đúng quy định.

Năm 1994, bà Nguyễn Thị Thu N5 (em bà Y) lập gia đình, lợi dụng tình chị em ở nhờ trên đất 83/26 của bà Y. Tương tự năm 1997, bà Nguyễn Thị Kim P1 (em bà Y) lập gia đình cũng ở nhờ trên đất 83/26 của bà.

Căn cứ vào Điều 10; Điều 15; Khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và Điều 41 của Luật Nhà ở và Khoản 3 Điều 10 của Quyết định số 54/2007 thì bà Y có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở khi có nhu cầu nên bà có toàn quyền sử dụng và định đoạt khuôn viên nhà đất 83/26 của mình.

Do vậy, hành vi xác nhận của bà Trịnh Thị Mỹ D3 xác nhận cho bà Nguyễn Thị Kim P1 sửa chữa nhà mà không xem xét đến nguồn gốc nhà của ai và dựa vào các giấy tờ giả mạo là trái pháp luật và các quyết định giải quyết khiếu nại cũng trái pháp luật.

*Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P trình bày:*

Công trình xin sửa chữa nhà của bà Nguyễn Thị Kim P1 thuộc “công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình” nên theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 thì được miễn giấy phép xây dựng và thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân phường.

Tại Văn bản số 950 CV/UBND ngày 01/8/2022, do ông Nguyễn Quang H đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P xác định việc ký xác nhận số 43/XN-UBND cho bà Nguyễn Thị Kim P1 được sửa chữa nhà 48 L2, phường P, quận T và việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch phường là đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

*Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T trình bày:*

Việc ký xác nhận số 43/XN-UBND ngày 09/4/2016 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P cho bà Nguyễn Thị Kim P1 được sửa chữa căn nhà 48 L2, phường P đúng quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng 2014 và điểm b Khoản 10 Điều 6 của Quyết định số 27/2014/QĐ- UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Mai H và bà Nguyễn Thị Y (lần đầu) là đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 17 của Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn và trình tự giải quyết đúng theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H (lần hai) là đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011 và trình tự giải quyết đúng theo quy định tại Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật Khiếu nại năm 2011.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Kim P1 trình bày:*

Năm 1963, cha mẹ bà là ông Nguyễn Thành Long và bà Đoàn Thị Thanh chuyển đến sống ở địa chỉ 83/25 đường số 21 Phường 18, quận Tân Bình (nay là phường P, quận T). Hai mảnh đất bên cạnh và phía sau liền kề là 83/23 và 83/26 là đất trống, không có người ở nên cha mẹ bà canh tác trồng rau quả, nuôi lợn gà để cải thiện đời sống cho cả gia đình. Cha mẹ bà có tất cả 11 người con là bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Đức B, ông Nguyễn Đức H2, bà Nguyễn Thị Thu H3, ông Nguyễn S, ông Nguyễn Đức M4, bà Nguyễn Thị Thu N5, bà Nguyễn Thị Kim L4, bà Nguyễn Thị Kim P1, ông Nguyễn Anh T6 và ông Nguyễn Đức T7.

Năm 1981, mẹ bà mất, cha cũng đã nghỉ hưu; bà Y là chị cả nhưng dọn đến trường ở đến năm 1984 lấy chồng và về sống nhà chồng.

Năm 1988, ông Nguyễn Đức M4 đi nghĩa vụ quân sự về xin cha cho cất căn nhà lá 4m x 6m trên đất 83/26 để cưới vợ ở riêng.

Năm 1991, sau khi vợ chồng ông M4 chuyển về Củ Chi sống, cha bà P1 mới làm hợp thức hóa căn nhà lá này lấy tên bà Y. Mọi thủ tục giấy tờ ông Nguyễn S đi làm và ba bà là người đưa tiền để đóng thuế.

Năm 1992, ông S xin cha sửa lại căn nhà lá thành nhà vách ván để cưới vợ ở riêng.

Năm 1994, chị N5 xin cha cho cất căn nhà 4m x 6m trên đất 83/26 để lập gia đình ở riêng (nay là số 50 L2). Cũng năm này vợ chồng ông S chuyển lên T sống thì bà Y xin cha cho chị sửa căn nhà vách ván thành nhà của bà hiện nay (nhà số 46 L2)

Năm 1995, bà P1 đi làm dành dụm được tiền xin cha cho xây nhà 4m x 6m giữa nhà bà Y và bà N5 (nay là số 48 L2) để lập gia đình sẽ ở riêng.

Năm 2000, cha bà mất, bà Y muốn lấy nhà của các em dựa trên giấy tờ hợp thức hóa căn nhà lá mà cha bà đã làm giấy tờ mang tên bà Y nhưng bà Y không tạo dựng, cũng không có công chăm sóc hay giữ gìn. Vì vậy, việc tranh chấp của bà Y là không hợp pháp, anh chị em rất bức xúc và sẵn sàng làm chứng cho bà P1.

Căn nhà 48 L2, bà P1 xây cất đến nay được 25 năm cũng có hư hỏng xuống cấp, bà có xin sửa chữa và được cơ quan chính quyền phường, quận ký giấy cho phép và bà cũng đóng thuế đầy đủ theo quy định; đề nghị xem xét theo pháp luật.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1403/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:*

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Mai H và bà Nguyễn Thị Y (lần đầu); Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H (lần hai) và buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải xin lỗi công khai trên báo Đại đoàn kết và báo Nhân dân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2022 người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với các yêu cầu:

- Hủy các loại giấy tờ gian lận, giả mạo ngụy tạo số nhà, số thửa gian giả gây xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà tại địa chỉ số 83/26 L.

- Hủy văn bản số 43/GXN-UBND ngày 09/4/2016 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P xác nhận trái pháp luật, vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm của Luật xây dựng.

- Hủy bản án sơ thẩm số 1403/2022/HC-ST ngày 25/8/2022, hủy Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017.

- Buộc bên bị kiện khắc phục hậu quả do các quyết định trái pháp luật gây ra, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà tại địa chỉ 83/26 đường Lê Sau, công khai xin lỗi người khởi kiện.

- Chuyển hồ sơ có dấu hiệu phạm tội cho cơ quan điều tra cùng cấp, xem xét hành vi làm giả các loại giấy tờ, giao mạo chữ ký, ngụy tạo số nhà số thửa gian giả, chiếm dụng đất số 83/26 đường L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Y và ông Đào Mai H giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo đã nêu trong đơn ngày 08/9/2022, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu trên với các lý do:

- Ông bà khởi kiện vụ án hành chính không có tranh chấp, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đã ký văn bản hành chính để người khác chiếm đất của người khởi kiện. Theo quy định của Luật Nhà ở thì người chủ sở hữu mới có quyền sửa chữa nhà ở xuống cấp, nếu nhà xuống cấp thì chấm dứt việc ở nhà. Bà P1 không có ở trong nhà đó mà là cho thuê. Ủy ban nhân dân không có quyền ký bất cứ văn bản nào cho người khác. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng có văn bản xác định bà Y có khiếu nại văn bản của cơ quan Nhà nước, chứ không phải là tranh chấp. Hồ sơ tài liệu chứng minh bà Y là chủ sở hữu căn nhà, nên không thể nói là chưa xác định chủ sở hữu của ai.

- Bà P1 đã xác định là tường của người khởi kiện cho mượn để che đỡ, nhưng Ủy ban nhân dân phường xác định là tường chung có tranh chấp. Bản thân bà Y cũng có đơn xin sửa chữa nhà nhưng Ủy ban nhân dân phường không chấp nhận, trong khi đó chấp nhận cho bà P1 sửa chữa nhà.

- Căn nhà này bà P1 không ở mà để kinh doanh cho thuê, nên cho rằng việc bà P1 sửa chữa nhà do xuống cấp ảnh hưởng đến tính mạng người ở trong nhà là không đúng. Thửa 75 đã bị giả mạo chữ ký của bà Y để tách thửa cho bà P1 nên số nhà cấp trong văn bản số 43 là giả mạo. Số nhà 83/25A L2 là giả mạo vì đường L2 không có số nhà này. Việc Ủy ban nhân dân phường ký văn bản số 43 đã giúp đỡ cho bà P1 cho thuê nhà gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Khi bà P1 có đơn xin sửa chữa nhà thì tôi có đơn xin ngừng thi công nhưng không được giải quyết. Năm 2013 người khởi kiện đã có đơn xin ngăn chặn giao dịch đối với căn nhà số 48 nhưng không được Ủy ban nhân dân phường giải quyết. Nhưng Ủy ban nhân dân phường vẫn ký văn bản số 43 cho bà P1 sửa chữa nhà là không đúng. 02 quyết định giải quyết khiếu nại 771, 2152 không nêu gì tới số nhà 48 L2 mà chỉ nói việc Ủy ban nhân dân phường đồng ý cho bà P1 sửa chữa nhà là do nhà xuống cấp, không thu hồi các văn bản giả mạo mà cho rằng tôi khiếu nại sai là không có căn cứ. Bà Y, ông H yêu cầu thu hồi các loại giấy tờ giả mạo, khắc phục hậu quả xảy ra điều chỉnh bản đồ địa chính thửa nhà tôi là một không phải là tách làm 03 thửa, tháo dỡ các căn nhà trên phần đất của ông bà.

- Bản án sơ thẩm không xem xét nguồn gốc đất, việc giả mạo giấy tờ, không thu thập văn bản danh sách của phòng quản lý đô thị, bà Y ông H yêu cầu Tòa án yêu cầu Phòng quản lý đô thị cung cấp. Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng khi không thu thập tài liệu chứng cứ theo đơn yêu cầu của tôi. Người khởi kiện khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban nhân dân quận không khiếu nại bà P1, nhưng sơ thẩm triệu tập bà P1 viết tờ tường trình năm 2020 nhưng không có chứng cứ chứng minh ông L9 cho đất, toàn bộ bản tường trình mâu thuẫn với hồ sơ hợp thức hóa nhà đất năm 1989 của người khởi kiện, mâu thuẫn với văn bản của Phòng Tài nguyên môi trường, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung tường trình vào bản án sơ thẩm là vi phạm tố

tụng, trong bản án sơ thẩm không xác nhận được giấy tờ nào là đúng quy định pháp luật, số nhà nào là số nhà gốc, số nhà nào là giả tạo, mâu thuẫn với tờ khai của ông Nguyễn Đức B. Trang 4 của bản án sơ thẩm thì bản án sơ thẩm nhận định bà Y ông H không khiếu nại thông báo trả lời đơn là không đúng, ông bà có khiếu nại nhưng không được giải quyết. Ở sơ thẩm người bị kiện cũng vắng mặt nhưng bản án sơ thẩm ghi nhận người bị kiện trình bày là không đúng. Nhận định của bản án sơ thẩm là chủ quan, tại biên bản không đối thoại được thì sơ thẩm đã ghi nhận ý kiến trình bày của tôi, nhưng sơ thẩm nhận định ông bà không có ý kiến là không đúng. Văn bản số 43 vẫn còn thời hiệu xem xét nhưng không được vào xem xét. Nội dung bà P1 kê khai được ông L9 cho đất là không đúng nhưng vẫn được sử dụng trong quyết định 2152 nên không thể hết thời hiệu sử dụng. Trang 9 của bản án sơ thẩm nhận định: Bà P1 xây dựng nhà có sự đồng ý của bà Y, ông H là không đúng, ông bà đã 3 lần có đơn ngăn chặn. Tóm lại Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm tố tụng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định tố tụng, không làm ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Kháng cáo của đương sự trong hạn nên hợp lệ. Đây là phiên tòa phúc thẩm đối với vụ án hành chính nên các nội dung kháng cáo không liên quan đến quan hệ pháp luật hành chính không thuộc thẩm quyền giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo không phải là quan hệ pháp luật hành chính trong vụ án.

- Về nội dung: Năm 1989 bà Y được cấp hợp thức hóa nhà 86/23 L. Bà Y thừa nhận vì chị em nên cho bà P1 được ở nhà số 48 L2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có văn bản 43 đồng ý cho bà P1 sửa chữa nhà là đúng quy định tại Luật xây dựng. Bà P1 đã thực hiện đúng quy định về việc sửa chữa nhà, quyết định 771, 2152 là có căn cứ. Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

Theo nội dung đơn kháng cáo ngày 08/9/2022 và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, thì bà Y ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết 05 vấn đề. Tuy nhiên, theo Thông báo thụ lý vụ án số 391/TB-TLVA ngày 02/10/2017 và Bản án hành chính sơ thẩm số 1403/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết 03 yêu cầu của người khởi kiện gồm: Hủy Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P; Hủy Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T; Buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch



Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải xin lỗi công khai. Căn cứ quy định tại Điều 220 Luật tổ tụng hành chính về phạm vi xét xử phúc thẩm, thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét những yêu cầu của bà Y, ông H đã được giải quyết tại bản án sơ thẩm nhưng có kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ; Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa đã giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử và hỏi các đương sự về việc có yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, nhưng tất cả đương sự có mặt đều không có ý kiến. Tuy nhiên, tại phần tranh tụng bà Y có ý kiến đề nghị thay đổi chủ tọa phiên tòa. Xét thấy, theo quy định của Luật tổ tụng hành chính thì đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng là việc đương sự trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm lập luận để giải quyết yêu cầu của đương sự. Do vậy, yêu cầu của bà Y là không có căn cứ để xem xét và không được chấp nhận.

- Về nội dung:

[1] Ngày 09/4/2016, Ủy ban nhân dân phường P ký xác nhận số 43/XN-UBND cho bà Nguyễn Thị Kim P1 được sửa chữa căn nhà số 48 L2, phường P theo đúng nội dung xin sửa chữa. Bà Y cho rằng bà P1 không có quyền sử dụng đối phần đất trên, nên khiếu nại hành vi của Ủy ban nhân dân phường P. Ngày 30/12/2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P có Quyết định số 771/QĐ-UBND (giải quyết khiếu nại lần 1); Ngày 10/5/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T có Quyết định số 2152/QĐ-UBND (giải quyết khiếu nại lần 2) đều bác khiếu nại của bà Y, ông H, nên đã khởi kiện vụ án hành chính.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định:

[2.1] Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

[2.2] Căn nhà số 48 L2 có diện tích 4m x 6m do bà Nguyễn Thị Kim P1 xây dựng năm 1997 trên phần đất 8m x 20m do bà Nguyễn Thị Y kê khai năm 1989. Bà Y và bà P1 đều thừa nhận lúc xây nhà bà Y biết, đồng ý để bà P1 xây dựng và sử dụng từ năm 1995 đến nay vì cả hai là chị em ruột. Về nguồn gốc đất, bà Y khai do bà được cấp, còn bà P1 khai đất do cha mẹ bà là ông L9, bà T10 khai hoang nhưng sau để bà Y là chị lớn trong gia đình đi kê khai nhà đất nên đứng tên bà Y. Ông L9 cũng cho bà N5, bà P1 và bà Y mỗi người diện tích 4m x 6m để xây dựng nhà để ở (Các đương sự xác định không tranh chấp dân sự trong vụ kiện này).

Hiện nay, căn nhà 48 L2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho ai nhưng bà P1 đã xây dựng và sử dụng từ năm 1995. Trong quá trình sử dụng nhà hư hỏng và có thể ảnh hưởng đến tính mạng người sử dụng nên ngày 07/4/2016, bà Nguyễn Thị Kim P1 đã khai đơn đăng ký xây

dựng, sửa chữa, cải tạo công trình tại căn nhà số 48 đường L2, phường P với nội dung xin sửa chữa như sau:

- Lợp lại mái tole, lát gạch bông và sửa lại gác gỗ do bị mục nát (không đổ bê tông hay lát gạch sàn dưới mọi hình thức nào).
- Sửa lại vách bên hông nhà số 50 đường L2 bằng ván 3D (không xây gạch).

Sau khi xem xét nội dung sửa chữa và đối chiếu quy định về thẩm quyền xem xét của mình, ngày 09/4/2016, Ủy ban nhân dân phường P xác nhận đơn đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình theo đúng nội dung trong đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân phường số 43/XN-UBND. Đồng thời, để tránh việc tranh chấp, khiếu nại về sau, Ủy ban nhân dân phường có yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P1 làm cam kết sửa chữa đúng theo nội dung xin sửa chữa, không làm thay đổi hiện trạng, kết cấu nhà.

Ngày 10/5/2016, Ủy ban nhân dân phường P phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn – Thanh tra Sở xây dựng tiến hành kiểm tra và ghi nhận: Hiện trạng công trình sửa chữa, cải tạo đã hoàn thành, đã đưa vào sử dụng đúng theo nội dung sửa chữa cải tạo do Ủy ban nhân dân phường cấp.

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng năm 2014 thì “công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình” thì được miễn giấy phép xây dựng.

Bà Y cho rằng bà P1 không phải là người có quyền sử dụng đất nhưng chính bà Y xác nhận nhà 48 L2 là do bà P1 xây dựng có được sự đồng ý của bà Y. Nhưng do nhà hư hỏng, để bảo đảm an toàn cho người sử dụng nhà, bà P1 đã có đơn xin sửa chữa nhà nên căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 3 của Nghị định 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng và điểm b Khoản 10 Điều 6 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì công trình sửa chữa trên không phải xin phép xây dựng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân phường. Do vậy, ngày 09/4/2016, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P là bà Trịnh Thị Mỹ D3 ký giấy xác nhận số 43/XN-UBND cho bà Nguyễn Thị Kim P1 được sửa chữa nhà 48 L2, phường P là đúng.

Hơn nữa, việc bà P1 sửa chữa nhà cũng không làm thay đổi quyền sử dụng đất. Khi bà P1 hoặc bà Y có yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ căn cứ vào nguồn gốc của diện tích đất và quy định của pháp luật.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ban hành Quyết định số 771/QĐ-UBND xác định việc bà Y, ông H khiếu nại hành vi của bà Trịnh Thị Mỹ D3, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P ký xác nhận cho sửa chữa nhà 48 L2, phường P, quận T là sai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 bác khiếu nại của bà Y, ông H là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà Y, ông H buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P và Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T phải xin lỗi công khai trên báo Đại đoàn kết và báo Nhân dân: Do các yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P và Quyết định số 2152/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T không được chấp nhận nên cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà Y và ông H theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông H.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm phát biểu kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Y sinh năm 1954, ông Đào Mai H sinh năm 1957 nên được miễn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1403/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 771/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Mai H và bà Nguyễn Thị Y (lần đầu); Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H (lần hai) và buộc Chủ tịch ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải xin lỗi công khai trên báo Đại đoàn kết và báo Nhân dân.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Y, ông Đào Mai H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (2);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**